



BaRia Rubber Co., Ltd.
BRRC

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY TNHH MTV SU BÀ RỊA**

TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38217713

Fax: (08) 38217452

Website: www.hsx.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa

Địa chỉ: Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3881964

Fax: (064) 3881169

Website: www.baruco.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM

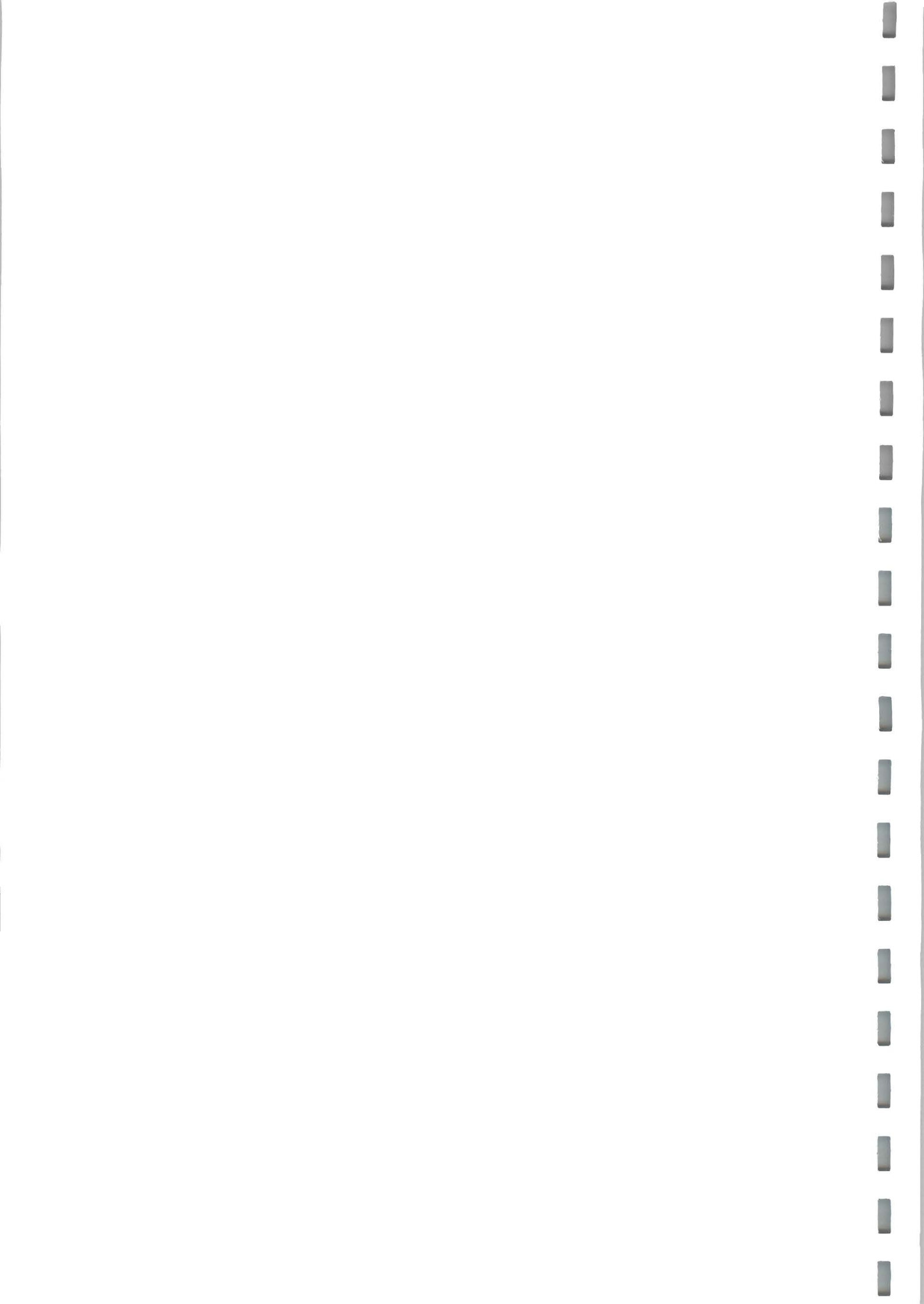
Địa chỉ: Lầu 1&7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38208116

Fax: (08) 38200508

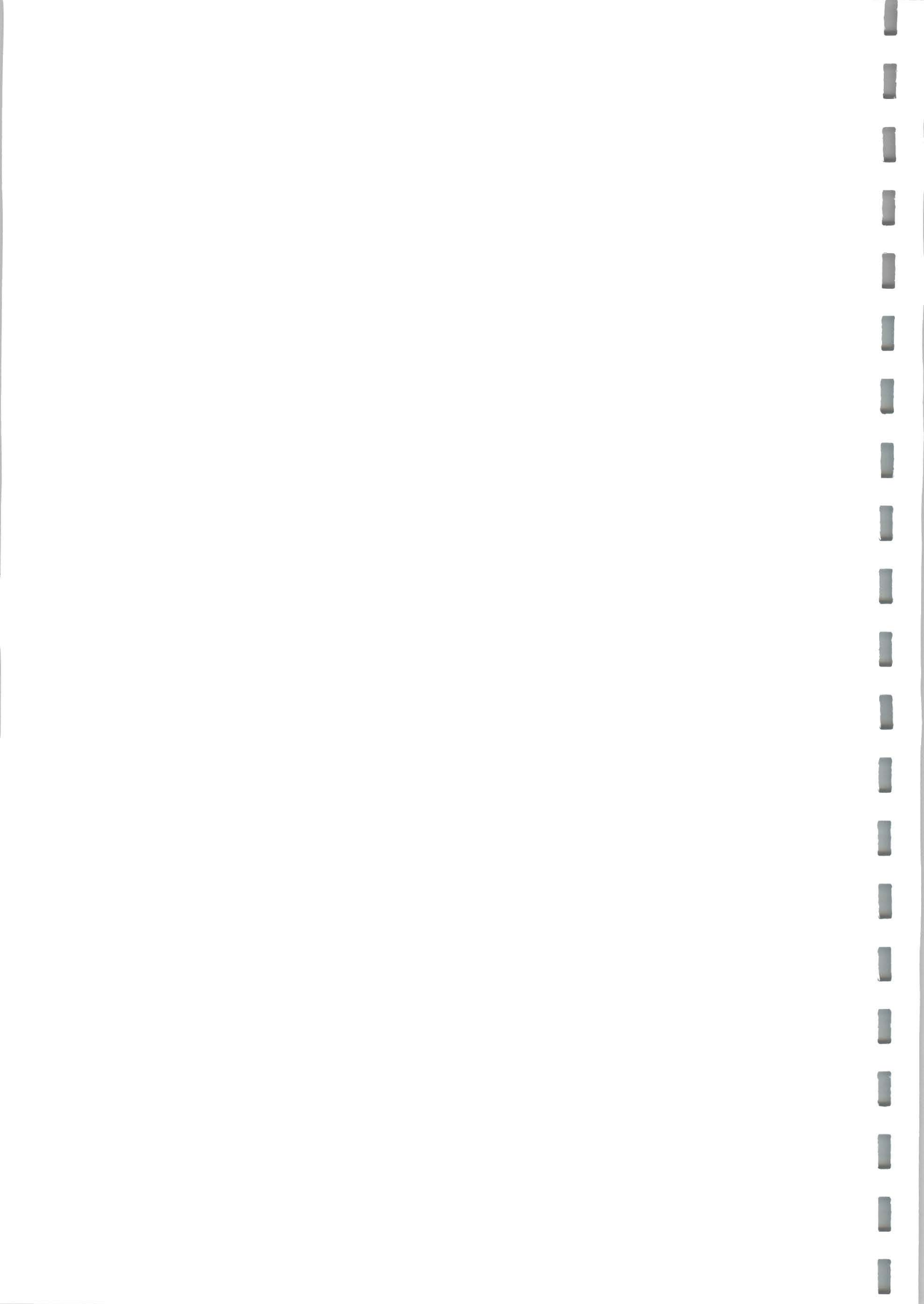
Website: www.vcbs.com.vn

Bà Rịa, tháng 01 năm 2016



**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÀ RỊA**

Số lượng cổ phần chào bán:	19.687.500 cổ phần, chiếm 17,5% vốn điều lệ.
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Giá khởi điểm:	12.610 đồng/cổ phần.
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa.
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa.
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.



MỤC LỤC

PHẦN I	6
THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	6
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	6
II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	8
PHẦN II	9
THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	9
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	9
1. Giới thiệu về doanh nghiệp	9
2. Ngành nghề kinh doanh.....	11
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	11
4. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần	12
4.1. Kế hoạch sắp xếp lao động.....	12
4.2. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa	12
4.3. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng.....	13
4.4. Kế hoạch đào tạo	14
5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý	15
5.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	15
5.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	17
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	18
7. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của Baruco	30
8. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Baruco 03 năm trước Cổ phần hóa	31
8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	31
a. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa	31
b. Cơ cấu doanh thu.....	33
c. Chi phí	34
d. Nguồn nguyên vật liệu.....	34
e. Trình độ công nghệ.....	35
f. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ.....	35
g. Thị trường, khách hàng và yếu tố cạnh tranh.....	36
h. Hoạt động Marketing.....	37
i. Nhân hiệu thương mại	37
j. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	38
k. Các dự án đang thực hiện của Công ty:.....	38
8.2. Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa	38
8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm báo cáo.....	40
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	42
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	42
9.2. Triển vọng ngành.....	42

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng của Công ty với định hướng của ngành	44
10. Phương hướng phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	44
10.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	44
10.2. Hình thức pháp lý, ngành nghề kinh doanh.....	45
10.3. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau Cổ phần hóa.....	45
10.4. Về nguồn nhân lực:	46
10.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa	46
10.6. Giải pháp thực hiện	50
11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	59
12. Các rủi ro dự kiến	60
13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	61
13.1. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên.....	61
13.2. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường.....	63
13.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	64
13.4. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán	66
14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ Cổ phần hóa	66
15. Những người chịu trách nhiệm chính về nội dung bán công bố thông tin.....	67
15.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	67
15.2. Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	67
15.3. Tổ chức tư vấn.....	67
II. KẾT LUẬN	67

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Kế hoạch sắp xếp lao động của Baruco.....	12
Bảng 2: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa của Baruco	12
Bảng 3: Kế hoạch đào tạo của Baruco	14
Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	16
Bảng 5: Thực trạng TSCĐ theo BCTC của Baruco đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2014	18
Bảng 6: Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý theo địa bàn xã.....	18
Bảng 7: Tổng hợp đất công ty theo hồ sơ pháp lý	19
Bảng 8: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Baruco	21
Bảng 9: Danh sách Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Baruco	30
Bảng 10: Tóm tắt kết quả SXKD của Baruco 3 năm trước cổ phần hóa	31
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015	33
Bảng 12: Chi phí giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015.....	34
Bảng 13: Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015	39
Bảng 14: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm sau cổ phần hóa.....	46
Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2016 – 2018.....	59

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thay thế Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính;
- Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Công văn số 883/TTg-ĐMDN ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2014 – 2015;
- Công văn số 9843/VPCP-ĐMDN ngày 09/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa hai Công ty TNHH Một thành viên Cao su Tân Biên và Công ty TNHH Một thành viên Bà Rịa sang năm 2015;
- Quyết định số 669/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc cổ phần hóa chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa thành Công ty cổ phần;
- Công văn số 10486/VPCP-ĐMDN ngày 16/12/2015 của Văn phòng chính Phủ về Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
- Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam;

-
- Quyết định số 485/QĐ-HĐTVCSVN ngày 31/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Baruco : Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CPH : Cổ phần hóa
- DTT : Doanh thu thuần
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh.
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- QLDN : Quản lý doanh nghiệp
- QSĐĐ : Quyền sử dụng đất
- ROA : Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản
- ROE : Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu
- ROS : Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- Công ty : Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa
- TMCP : Thương mại cổ phần
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- VCBS : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

PHẦN II

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên tiếng việt: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÀ RỊA
- Tên giao dịch quốc tế: BARIA RUBBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: BARUCO
- Trụ sở: Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 3881964
- Fax: (064) 3881169
- Email: vanphong@baruco.com.vn
- Website: www.baruco.com.vn
- Logo Công ty:



1.1. Quá trình hình thành và phát triển

✚ Những cột mốc quan trọng:

Công ty Cao su Bà Rịa là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, thành viên của Hiệp hội Cao su Việt Nam, được thành lập ngày 11/6/1994 theo Quyết định số 362/QĐ/TCCB/NN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm 04 Nông trường: Xà Bang, Cù Bị, Bình Ba (huyện Châu Đức) và Nông trường Hòa Bình (huyện Xuyên Mộc). Thời điểm mới thành lập, Công ty quản lý tổng diện tích 13.594 hecta với hơn 5.000 lao động. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính là: Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên. Sau này, Công ty thành lập thêm Xí nghiệp chế biến; đầu tư, liên doanh, liên kết với các đơn vị bạn và tiếp nhận, kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch do Tổng Công ty Cao su Việt Nam chuyển giao.

Ngày 01/5/2004, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Tổng Công ty Cao su Việt Nam, Công ty cao su Bà Rịa cổ phần hóa một bộ phận của doanh nghiệp là Nông trường Hòa Bình và Nhà máy chế biến cao su Hòa Bình để thành lập Công ty cổ phần cao su Hòa Bình với vốn chi phối ban đầu của Nhà nước chiếm 70%. Sau khi cổ phần, đơn vị này đi vào hoạt động có hiệu quả, nguồn vốn của doanh nghiệp, nghĩa vụ giao nộp ngân sách và đặc biệt là đời sống vật chất của người lao động được cải thiện một bước khá cao. Hiện nay, Công ty cổ phần cao su Hòa Bình đã được chuyển giao cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trực tiếp quản lý.

Tháng 5/2009, thực hiện chủ trương phát triển, đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Công ty Cao su Bà Rịa đã triển khai dự án phát triển cao su tại Vương quốc Campuchia với tổng vốn đầu tư gần 600 tỷ đồng (tương đương 35 triệu USD) trong đó vốn góp của Công ty Cao su Bà Rịa và Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình chiếm 70%; diện tích là 5.500 hecta; cây phát triển tốt, dự kiến đến năm 2016 sẽ bắt đầu khai thác. Ngoài ra, Công ty còn tham gia góp vốn tại các Công ty Cao su Việt - Lào; Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu; Lai Châu 2, Yên Bái v.v...; hiện nay Công ty cổ phần Cao su Việt - Lào đã bắt đầu khai thác sản phẩm, các dự án khác đang trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản và đều mang tính khả thi.

Ngày 24/12/2009, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thông qua “Đề án chuyển đổi Công ty Cao su Bà Rịa thành Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa” và có Quyết định số 341/QĐ-HĐQTCSVN phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Bà Rịa thành Công ty TNHH MTV và Quyết định số 347/QĐ-HĐQTCSVN ngày 24/12/2009 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Bà Rịa. Kể từ ngày 01/01/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

➤ **Những thành tích nổi bật:**

Công ty thực hiện sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp; Cơ cấu lại nguồn lực; Tổ chức lại sản xuất; Đầu tư tăng năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của Công ty. Công ty từng bước thực hiện mục tiêu "Công ty mạnh hơn, các doanh nghiệp mạnh hơn, hiệu quả hơn".

Công ty có đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật có kinh nghiệm ngành nghề sản xuất kinh doanh chính; Lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, có năng lực dự báo, hoạch định, năng lực tổ chức, quản lý và kinh doanh; Có nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết, năng động.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu ở mức khá so với các công ty cùng ngành khác trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành nói riêng. Năm 2013 là năm thứ 03 liên tiếp Công ty có lãi kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thực hiện việc bảo toàn vốn có hiệu quả.

Điều kiện làm việc, đời sống và thu nhập của người lao động được cải thiện; Giữ vững tổ chức, kỷ luật và ổn định chính trị nội bộ.

Quá trình xây dựng và phát triển của Công ty đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ Ngành Trung ương, chính quyền địa phương ghi nhận tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động Nhất, Nhì, Ba
- Huân chương Chiến công hạng Ba
- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba
- 04 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 09 Bằng khen cấp Bộ (Bộ NN&PTNT, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng,...)
- 16 Bằng khen của UBND tỉnh.
- 10 Cờ thi đua của UBND tỉnh

-
- 11 Cờ thi đua của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
 - 01 Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Những thành tích tiêu biểu của các đơn vị:

- Nông trường Xà Bang: đơn vị đầu tiên của ngành được nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lao động, huân chương chiến công hạng 3.
- Nông trường Cù Bị: đạt danh hiệu anh hùng lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương lao động hạng nhất
- Nông trường Bình Ba: được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Huân chương lao động hạng 3.

✚ **Kết quả xếp loại doanh nghiệp:**

Căn cứ vào các quy định đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các chỉ tiêu năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa đều đạt và vượt kế hoạch xếp loại A (tổng doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán nợ đến hạn). Riêng chỉ tiêu chấp hành chế độ chính sách xếp loại C. Vì vậy cả năm 2013 Công ty tự xếp loại doanh nghiệp loại B, các năm còn lại đều xếp loại A. Xếp hạng doanh nghiệp: hạng 1 theo đánh giá của Bộ Lao động & Thương binh xã hội.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; buôn bán mủ cao su;
- Khai thác gỗ và sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Kinh doanh khách sạn: Cơ sở lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm và dịch vụ khác cho khách du lịch; vận tải khách du lịch; kinh doanh du lịch lữ hành trong nước;
- Kinh doanh: bán buôn hóa chất, phân bón sử dụng trong nông nghiệp (trừ hóa chất độc hại cấm mua bán)
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng loại SVR CV 60, SVR CV 50, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2004. Sản phẩm của Nhà máy Xà Bang có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của công ty khá đa dạng, có thể mạnh đối với sản phẩm SVR CV50, SVR CV 60, SVR 3L là những sản phẩm cao cấp dành cho các thị trường khó tính. Chất lượng sản phẩm của Công ty được các

khách hàng đánh giá cao, thương hiệu sản phẩm của Nhà máy Xà Bang sản xuất được các khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

4. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần

4.1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Bảng 1: Kế hoạch sắp xếp lao động của Baruco

Phòng ban và đơn vị	Đơn vị tính	Tại thời điểm Công bố GTDN	Không có nhu cầu sử dụng	Cần sử dụng chuyển sang CTCP
Phòng ban công ty	Người	138	4	134
Xí nghiệp chế biến	Người	179	0	179
Khách sạn và du lịch	Người	26	25	01
Nông Trường Xà Bang	Người	478	6	472
Nông Trường Cù Bị	Người	596	9	587
Nông Trường Bình ba	Người	527	3	524
Tổng cộng		1.944	47	1.897

Nguồn: Baruco

4.2. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

Bảng 2: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa của Baruco

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	1.944	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	1.944	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.537	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	235	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc 1 công việc nhất định dưới 03 tháng	172	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	47	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0	

	a) Hết hạn hợp đồng lao động	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	47	
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP	31	
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	16	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	1.897	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	1.897	
	Số lao động nghỉ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội	0	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	0	
	c) Tai nạn lao động, nghề nghiệp	0	
2	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do 02 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	

Nguồn: Baruco

4.3. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng

❖ Lao động trước khi sắp xếp:

Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (25/12/2015): 1.944 người. Trong đó:

- Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 1.944 người
- Số lao động đang ngừng việc: 0 người.
- Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: 0 người
- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 0 người
- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 0 người.
- Số lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động: 0 người.

❖ Phương án sử dụng lao động:

- Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 1.897 người. Trong đó:
- Số lao động tiếp tục sử dụng: 1.897 người.
 - Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người;
 - Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người.

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 31 người. Trong đó:
 - Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 22 người.
 - Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người.
 - Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 00 người.
- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 16 người.

❖ **Kinh phí dự kiến (thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH):**

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 2.614.611.388 đồng. Trong đó:
 - Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định theo khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐCP; khoản 1 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 1.699.606.455 đồng.
 - Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 đồng;
 - Thực hiện với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 4, 5 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 751.736.625 đồng.
 - Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: 168.645.833 đồng.

❖ **Nguồn kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 2.619.988.913 đồng . Trong đó:
 - Nguồn từ tiền bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp: 2.451.343.080 đồng
 - Chi phí của doanh nghiệp: 168.645.833 đồng.

4.4. Kế hoạch đào tạo

Bảng 3: Kế hoạch đào tạo của Baruco

Phòng ban và đơn vị	Số lượt đào tạo	Khóa đào tạo	Đơn vị đào tạo	Chi phí đào tạo
Phòng ban công ty	20	Tập huấn phần mềm quản lý văn bản; thạc sỹ kinh tế; lớp cao cấp lý luận chính trị; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác VSATLĐ	ĐH Lâm nghiệp. Tập đoàn CNCsvn	30.000.000

Xí nghiệp chế biến	20	Tập huấn nghiệp vụ. ĐH Điện. Tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ	Trường CĐ công đồng. Tập đoàn CNCsvn	30.000.000
Khách sạn và du lịch	10	Tập huấn thuế, tập huấn nghiệp vụ công đoàn; Huấn luyện công tác ATVSLĐ	Cục thuế tỉnh BR-VT, tỉnh BR-VT	10.000.000
Nông Trường Xà Bang	90	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK; huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.	Tập đoàn CNCsvn. CĐ công nghiệp cao su	45.000.000
Nông Trường Cù Bị	85	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK; huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; cao cấp lý luận chính trị; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.	Tập đoàn CNCsvn. CĐ công nghiệp cao su	60.000.000
Nông Trường Bình ba	70	Huấn luyện lực lượng hóa học; huấn luyện lực lượng thông tin; huấn luyện lực lượng công binh; huấn luyện lực lượng SMPK; huấn luyện lực lượng quân y; Trung cấp kỹ thuật cao su; tập huấn thuế; Huấn luyện công tác ATVSLĐ; Tập huấn. huấn luyện bộ binh; Huấn luyện súng cối DQTV.	Tập đoàn CNCsvn. CĐ công nghiệp cao su	40.000.000
Tổng cộng	295			215.000.000

Nguồn: Baruco

5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý

5.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa – Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, giá trị doanh nghiệp xác định lại bằng phương pháp tài sản tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa– Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam như sau:

1. Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán như sau:
 - Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 1.360.419.809.456 đồng

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước: 1.043.258.736.657 đồng.
 - 2. Giá trị doanh nghiệp xác định lại bằng phương pháp tài sản:
 - Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 1.632.636.792.799 đồng.
 - Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 1.315.475.720.000 đồng.
 - 3. Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa: 10.316.647.964 đồng.
- Trong đó:
- Tài sản không cần dùng: 0 đồng
 - Tài sản chờ thanh lý: 1.551.362.510 đồng
 - Giá trị tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng: 8.765.285.454 đồng.

Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	1.360.419.809.456	1.632.636.792.799	272.216.983.343
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.192.702.118.113	1.399.515.301.729	206.813.183.616
1. Tài sản cố định	195.427.426.475	347.339.792.346	151.912.365.871
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>194.795.316.293</i>	<i>270.337.757.139</i>	<i>75.542.440.846</i>
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	<i>632.110.182</i>	<i>77.002.035.207</i>	<i>76.369.925.025</i>
2. Đầu tư tài chính dài hạn	603.769.774.983	657.176.432.229	53.406.657.246
3. Chi phí XDCB dở dang	393.329.619.641	393.329.619.641	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	25.464.000	25.464.000	0
6. Chi phí trả trước dài hạn	149.833.014	1.643.993.513	1.494.160.499
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	167.717.691.343	167.662.865.423	(54.825.920)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	71.245.628.370	71.230.379.402	(15.248.968)
+ <i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>57.278.669</i>	<i>57.273.316</i>	<i>(5.353)</i>
+ <i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>16.188.349.701</i>	<i>16.173.106.086</i>	<i>(15.243.615)</i>
+ <i>Khoản tương đương tiền</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>0</i>
3. Các khoản phải thu	15.045.940.644	15.006.363.692	(39.576.952)
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	76.773.712.606	76.773.712.606	0
5. TSLĐ khác	4.652.409.723	4.652.409.723	0

III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	0	65.458.625.647	65.458.625.647
IV. Giá trị QSDD	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	1.551.362.510	1.551.362.510	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	8.765.285.454	8.765.285.454	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	1.370.736.457.420	1.642.953.440.763	272.216.983.343
Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	1.360.419.809.456	1.632.636.792.799	272.216.983.343
E1. Nợ thực tế phải trả (E 1.1 - E 1.2)	317.161.072.799	317.161.072.799	0
E 1.1 Tổng nợ phải trả theo bảng cân đối kế toán	325.926.358.253	325.926.358.253	0
E 1.2. Quỹ khen thưởng phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	8.765.285.454	8.765.285.454	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)]	1.043.258.736.657	1.315.475.720.000	272.216.983.343

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Baruco

5.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa không có nợ phải thu, phải trả quá hạn thanh toán. Công ty đã tiến hành đối chiếu xác nhận nợ, hoặc tổ chức tư vấn đã dùng thủ tục thay thế để kiểm tra phát sinh sau niên độ được 99,66% các khoản công nợ phải thu và 99,78% các khoản công nợ phải trả. Đối với các khoản công nợ chưa được đối chiếu, doanh nghiệp tiếp tục theo dõi, xử lý theo quy định tại điều 9, mục II, chương II, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài Chính.

Đối với tài sản được loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bà Rịa có trách nhiệm xử lý theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 14, Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/11/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp.

Đối với số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại điểm 7, Điều 9, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với số dư quỹ phát triển khoa học công nghệ, khi thực hiện cổ phần hoá số dư Quỹ được chuyển sang công ty cổ phần theo Quy định tại điểm 9, Điều 9 của Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính. Công ty cổ phần có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ theo quy định tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính.

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

6.1. Thực trạng TSCĐ

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 5: Thực trạng TSCĐ theo BCTC của Baruco đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2014

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
I	Tài sản cố định hữu hình	393.382.489.075	205.111.964.257
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	151.528.176.190	45.487.747.894
2	Máy móc thiết bị	38.897.748.998	9.648.025.847
3	Phương tiện vận tải	28.987.056.953	6.242.470.706
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.577.129.512	1.216.691.140
5	Vườn cây lâu năm	171.392.377.422	142.517.028.670
6	Tài sản cố định khác	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	1.158.085.923	632.110.182
	Tổng cộng	394.540.574.998	205.744.074.439

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Baruco

6.2. Hiện trạng sử dụng đất

a. Diện tích đất đai Baruco đang quản lý sử dụng

Đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa 31/12/2014, tổng diện tích Công ty đang quản lý và sử dụng 86.845.885,9 m² (trong đó: Đất nông phi nghiệp là 891.962,2 m² và đất nông nghiệp 85.953.923,7 m²). Toàn bộ diện tích đất được phân bổ trên địa bàn Thị trấn Ngãi Giao, 08 xã Bình Ba, Cù Bị, Xà Bang, Kim Long, Quảng Thành, Bàu Chinh, Xuân Sơn, Đá Bạc huyện Châu Đức, và thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích cụ thể phân theo địa bàn hành chính như sau:

Bảng 6: Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý theo địa bàn xã

STT	Xã, Thị trấn	Diện tích (m ²)			Ghi chú
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Tổng	
1	Cù Bị	37.882.531,9	86.680,5	37.969.212,4	

STT	Xã, Thị trấn	Diện tích (m ²)			Ghi chú
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Tổng	
2	Xà Bang	11.342.615,8	540.138,8	11.882.754,6	
3	Kim Long	1.482.572,0		1.482.572,0	
4	Quảng Thành	11.407.234,6	108.784,5	11.516.019,1	
5	Bàu Chinh	2.527.522,1		2.527.522,1	
6	Ngãi Giao	2.224.612,5	23.249,3	2.247.861,8	
7	Bình ba	15.404.278,9	90.739,8	15.495.018,7	
8	Xuân Sơn	3.206.152,9	8.881,6	3.215.034,5	
9	Đá bạc	476.403,0		476.403,0	
10	Tp. Vũng Tàu		33.487,7	33.487,7	
	Tổng cộng	85.953.923,7	891.962,2	86.845.885,9	

Nguồn: Baruco

Về pháp lý: Toàn bộ diện tích 86.845.885,9 m² đang quản lý sử dụng theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (100% diện tích). Trong đó, diện tích đã được cấp quyết định thuê đất là 85.375.791,0 m² (đạt 98%). Diện tích 1.470.094,9 m² còn lại Công ty đã thực hiện xong công tác đo đạc và đang thực hiện các thủ tục thuê đất.

Bảng 7: Tổng hợp đất công ty theo hồ sơ pháp lý

TT	Nội dung	Tổng diện tích (m ²)	Trong đó		Tỉ lệ đã cấp (%)	Ghi chú
			Đã được cấp (m ²)	Chưa được cấp (m ²)		
I	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	891.962,2				
I.1	Quyết định thuê đất		891.962,2	0,0	100	
I.2	Giấy CNQSDĐ		608.596,0	283.366,0	68	
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	85.953.923,7				
II.1	Quyết định thuê đất		84.483.828,8	1.470.094,9	98	
II.2	Giấy CNQSDĐ		84.483.828,8	1.470.094,9	98	
III	TỔNG CỘNG = I+II	86.845.885,9				
III.1	Quyết định thuê đất		85.375.791,0	1.470.094,9	98	
III.2	Giấy CNQSDĐ		85.092.424,8	1.753.460,9	98	

Nguồn: Baruco

Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa đã quản lý sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các

nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật đất đai cũng như các quy định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý và sử dụng tốt diện tích được giao, ranh giới ổn định, không có tranh chấp.

b. Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về phương án sử dụng đất của Baruco sau cổ phần hóa

Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là tiếp tục sử dụng đất đúng mục đích đã kê khai đăng ký. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Bảng 8: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Baruco

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
A ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP							
1	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	459,1	- Quyết định thuê đất số 2399/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622461 ngày 24/9/2012	Cầu đổ mù đội 2. Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Cầu đổ mù đội 2. Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	4.177,9	- Quyết định thuê đất số 2400/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng đội 4. Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng đội 4. Nông trường Cù Bì	trả tiền hàng năm
3	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	28.987,5	- Quyết định thuê đất số 2402/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng đội 3. Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng đội 3. Nông trường Cù Bì	trả tiền hàng năm
4	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	22.168,5	- Quyết định thuê đất số 2524/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sân bóng đội 1. Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Sân bóng đội 1. Nông trường Cù Bì	trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
5	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	29.693,4	- Quyết định thuê đất số 2525/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng làm việc, hội trường, sân bóng đá Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc, hội trường, cơ xưởng, sân bóng đá Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Xã Cù Bì, huyện Châu Đức	1.194,1	- Quyết định thuê đất số 2644/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622460 ngày 06/9/2012	Câu đổ mù đội 1. Nông trường Cù Bì	Tiếp tục quản lý sử dụng	Câu đổ mù đội 1, Nông trường Cù Bì	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức	23.249,3	- Quyết định thuê đất số 2641/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sân bóng đội 3. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Sân bóng đội 3. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức	8.881,6	- Quyết định thuê đất số 2642/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622462 ngày 06/9/2012	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 4. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 4, Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
9	Xã Bình Ba, huyện Châu Đức	90.739,8	- Quyết định thuê đất số 2458/QĐ-UBND ngày 21/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng Công ty và văn phòng Nông trường Bình Ba, kho cơ xưởng, hội trường thư viện, cầu đồ mù cao su, kho xăng dầu	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng Công ty và văn phòng Nông trường Bình Ba, kho cơ xưởng, hội trường thư viện, cầu đồ mù cao su, kho xăng dầu	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	12.424,3	- Quyết định thuê đất số 2401/QĐ-UBND ngày 16/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622469 ngày 06/9/2012	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 1. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 1. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
11	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	71.446,2	- Quyết định thuê đất số 2459/QĐ-UBND ngày 21/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng làm việc, cơ xưởng, công viên, vườn ươm Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc, cơ xưởng, công viên, vườn ươm Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
12	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	456.268,3	- Quyết định thuê đất số 2526/QĐ-UBND ngày 29/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622357 ngày 24/9/2012	Công viên văn hoá Bà Sen. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Công viên văn hoá Bà Sen. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
13	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	23.870,0	- Quyết định thuê đất số 2643/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số BK 622463 ngày 24/9/2012	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 5. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Văn phòng làm việc, sân bóng đá đội 5. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
14	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	12.903,4	- Quyết định thuê đất số 2949/QĐ-UBND ngày 29/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Hồ chứa nước tái sử dụng. Nhà Máy Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Hồ chứa nước tái sử dụng. Nhà Máy Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
15	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	72.011,1	- Quyết định thuê đất số 2639/QĐ-UBND ngày 08/08/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số MB 510240 ngày 07/3/2013	Nhà máy Ché biến mù cao su Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Nhà máy Ché biến mù cao su Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
16	108 đường Võ Thị Sáu, P.2, TP Vũng Tàu	33.487,7	- Quyết định thuê đất số 8527/QĐ-UB ngày 24/10/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số R 545230 ngày 02/5/2003	Khách sạn Du Lịch Cao Su	Tiếp tục quản lý sử dụng	Khách sạn Du Lịch Cao Su	Thuê đất trả tiền hàng năm
Cộng diện tích đất phi nông nghiệp		891.962,2					
B ĐẤT NÔNG NGHIỆP							
I DIỆN TÍCH ĐÁ CÓ QUYẾT ĐỊNH THUÊ ĐẤT							
1	Xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức	2.517.824	- Quyết định thuê đất số 1128/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037413 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Xã Bình Ba, huyện Châu Đức	15.161.939	- Quyết định thuê đất số 1135/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037435 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Xã Cù Bị, huyện Châu Đức	37.164.191	- Quyết định thuê đất số 1131/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
			- Giấy CNQSDĐ số AE 037475 ngày 01/02/2007				
4	Xã Cù Bị, huyện Châu Đức	333.523	- Quyết định thuê đất số 5219/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878493. AP 878328. AP 878489 ngày 20/11/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức	476.403	- Quyết định thuê đất số 1133/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037408 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Xã Kim Long, huyện Châu Đức	766.685	- Quyết định thuê đất số 5220/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878479. AP 878480. AP 878481 ngày 29/9/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Xã Kim Long, huyện Châu Đức	715.887	- Quyết định thuê đất số 1130/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037402 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	4.026.840,8 (giảm 18.351,2 m ²)	- Quyết định thuê đất số 5221/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xã Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
		so với năm 2014)	- Giấy CNQSDĐ số AP 878478. AP878483. 878484. AP 878485. AP 878486. AP 878488 ngày 20/11/2009			Bang	
9	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	6.831.572	- Quyết định thuê đất số 1132/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037434 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức	2.222.606	- Quyết định thuê đất số 1129/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037406 ngày 01/02/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
11	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	3.761	- Quyết định thuê đất số 5218/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AP 878482 ngày 01/10/2009	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
12	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	11.099.596	- Quyết định thuê đất số 1134/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037409 ngày 01/02/2007	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
13	Xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức	3.163.001	- Quyết định thuê đất số 1136/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của UBND	Đất trồng cao su. Nông trường	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông	Thuê đất trả tiền

TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
			tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; - Giấy CNQSDĐ số AE 037407 ngày 01/02/2007	Bình Ba	dụng	trường Bình Ba	hàng năm
Cộng diện tích đã có QĐTĐ		84.483.828,8	(giảm 18.351,2 m ² so với năm 2014)				
II DIỆN TÍCH CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THUẾ ĐẤT							
1	Xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức	9.698,1	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Xã Bình Ba, huyện Châu Đức	242.339,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Xã Cù Bị, huyện Châu Đức	384.817,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Xã Quảng Thành, huyện Châu Đức	548.821,8	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức	2.006,5	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm


TT	Địa chỉ khu nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại theo QĐ 09/TTg	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
						PA sử dụng đất	Hình thức thuê đất
6	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	160.770,8	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Xà Bang	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Xã Xà Bang, huyện Châu Đức	78.488,0	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Cù Bị	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức	43.151,9	Đã đo đạc xong. đang lập thủ tục thuê đất	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Tiếp tục quản lý sử dụng	Đất trồng cao su. Nông trường Bình Ba	Thuê đất trả tiền hàng năm
Cộng diện tích chưa có QĐTD		1.470.094,9					
CỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN		85.953.923,7					
C TÓNG DIỆN TÍCH		86.845.885,9					

Nguồn: Baruco

7. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của Baruco

7.1. Công ty mẹ của Baruco

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Trụ sở chính:	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Q.3. Tp.Hồ Chí Minh
Tên tiếng Anh	Vietnam Rubber Group
Tên viết tắt:	VRG
Điện thoại:	(08) 3932 5234
Fax:	(08) 3932 7341
Giấy CNĐKDN số:	0301266564 cấp lần đầu ngày 30/06/2010. thay đổi lần 3 ngày 04/03/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp
Vốn điều lệ:	26.166.499.106.975 đồng
Logo Công ty:	

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Tập đoàn) được thành lập theo Quyết định số 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 981/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 30/03/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 469/QĐ-TTg về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này. Tập đoàn chịu sự quản lý Nhà nước của Chính phủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan nhà nước có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 38/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn giai đoạn 2012 – 2015. Với mục tiêu của Đề án là nhằm đảm bảo Tập đoàn có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là trồng, chăm sóc và chế biến cao su; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh; tích cực tham gia bảo đảm an sinh, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

7.2. Danh sách Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Baruco

Bảng 9: Danh sách Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Baruco

STT	Diễn Giải	Giá trị sổ sách (đồng)
I	Đầu tư vào Công ty con	0
II	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	
1	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampongthom	283.766.800.000
2	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	116.250.000.000
3	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	102.590.419.983
4	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	53.516.950.000
5	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	32.445.605.000
6	Công ty Cổ phần Khu CN Long Khánh	15.200.000.000
	Tổng cộng	603.769.774.983

Nguồn: Baruco

8. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Baruco 03 năm trước Cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Tóm tắt kết quả SXKD 3 năm trước cổ phần hóa

Bảng 10: Tóm tắt kết quả SXKD của Baruco 3 năm trước cổ phần hóa

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	2012	2013	2014
I. Sản phẩm chính				
1 Diện tích - năng suất				
1.1. Tổng diện tích	ha	8.562,01	8.540,20	8.542,86
- Trong đó:				
+ Diện tích cao su khai thác	ha	3.411,460	3.329,010	4.046,420
+ Diện tích cao su KTCB	ha	4.709,810	4.850,940	4.284,630
+ Diện tích cao su thanh lý	ha	440,740	360,250	211,810
+ Diện tích cao su tái canh	ha	440,740	360,250	211,810
1.2 Năng suất	tấn/ha	1,678	1,812	1,655
2. Sản lượng	tấn	7.843,175	8.554,832	7.367,574
2.1 Cao su khai thác	tấn	5.725,808	6.032,448	6.695,594
2.2 Cao su thu mua	tấn	2.117,367	2.522,384	671,980
3. Cao su chế biến	tấn	14.251	14.268	15.513
+ CV 50, 60	tấn	8.124	7.810	6.910
+ SVR 3L, 5	tấn	4.672	4.314	6.675
+ SVR 10, 20	tấn	1.447	1.911	1.928
+ Khác	tấn	8	233	

4. Tồn kho đầu kỳ	tấn	3.037,830	2.233,486	2.510,611
5. Cao su tiêu thụ	tấn	8.647,519	8.277,707	7.682,025
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	4.673,280	3.671,040	4.311,360
+ Nội tiêu	tấn	3.974,239	4.606,667	3.370,665
5.1 Mủ cao su khai thác	tấn	6.711,592	5.694,843	7.010,045
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	4.565,280	3.489,600	3.925,286
+ Nội tiêu	tấn	2.146,312	2.205,243	3.084,759
5.2 Mủ cao su thu mua	tấn	2.056,887	2.582,864	671,980
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	228,960	181,440	386,074
+ Nội tiêu	tấn	1.827,927	2.401,424	285,906
6. Tồn kho cuối kỳ	tấn	2.233,486	2.510,611	2.196,160
7. Giá bán bình quân	Trđ/tấn	65,97	53,69	39,02
+ Xuất khẩu và UTXK	Trđ/tấn	71,92	57,89	43,09
+ Nội tiêu	Trđ/tấn	58,96	50,34	33,80
II. Doanh thu và lợi nhuận				
II.1 Tổng doanh thu	Triệu đồng	725.820	512.654	401.396
II.1.1. Doanh thu cao su	Triệu đồng	570.436	444.400	299.721
1.1 Doanh thu cao su khai thác	Triệu đồng	445.185	310.024	273.373
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	321.317	201.618	168.785
+ Nội tiêu	Triệu đồng	123.868	108.406	104.588
1.2 Doanh thu cao su thu mua	Triệu đồng	125.251	134.376	26.348
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	14.804	10.887	17.002
+ Nội tiêu	Triệu đồng	110.447	123.489	9.346
II.1.2. Thanh lý vườn cao su	Triệu đồng	77.745	24.280	20.286
II.1.3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	32.703	30.363	36.430
II.1.4. Doanh thu tài chính	Triệu đồng	10.477	4.662	41.690
II.1.5. Doanh thu khác	Triệu đồng	34.459	8.949	3.269
II.2. Tổng chi phí	Triệu đồng	497.324	413.029	339.378
I. Cao su				
1.1. Giá thành tiêu thụ mủ	Trđ/tấn	52,84	45,58	38,78
- Mủ cao su khai thác	Trđ/tấn	49,89	43,08	38,87
- Mủ cao su thu mua	Trđ/tấn	59,36	51,07	37,78
1.2. Chi phí cao su	Triệu đồng	456.948	377.264	297.871
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	334.857	245.348	272.484

- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	122.091	131.916	25.387
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng	274	2.229	1.560
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	34.144	30.982	35.257
4. CP hoạt động tài chính	Triệu đồng	4.212	1.319	3.854
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	1.746	1.235	836
II.3 Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	228.496	99.625	62.018
1. Cao su	Triệu đồng	113.488	67.136	1.850
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	110.328	64.676	889
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	3.160	2.460	961
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng	77.471	22.051	18.726
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	-1.441	-619	1.173
4. Hoạt động tài chính	Triệu đồng	6.265	3.343	37.836
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	32.713	7.714	2.433
II.4 Thuế TNDN	Triệu đồng	49.103	25.509	14.036
II.5 Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	179.393	74.116	47.982
II.6 Nộp ngân sách	Triệu đồng	74.163	34.498	26.218
III. Nhu cầu vốn đầu tư	Triệu đồng	204.499	193.561	141.324
+ Đầu tư XDCB	Triệu đồng	110.592	101.525	66.602
- Xây lắp	Triệu đồng	80.444	79.456	46.018
Trong đó: Xây lắp NNO	Triệu đồng	68.306	60.467	45.419
- Thiết bị, khác	Triệu đồng	8.411	6.543	3.865
- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	21.737	15.526	16.719
+ Trả nợ vay	Triệu đồng	2.500	4.000	6.000
+ Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	91.407	88.036	68.722
IV. Tiền lương				
- Lao động	Người	2.349	2.269	2.229
- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	211.996	183.103	150.966
- Lương bình quân (tháng)	Trđ/người	7,52	6,72	5,64

Nguồn: Baruco

b. Cơ cấu doanh thu

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	603.204	83,11	474.764	92,61	336.151	83,75	272.808	94,92
Doanh thu tài chính	10.477	1,44	4.661	0,91	41.689	10,39	1.504	0,52
Thu nhập khác	112.140	15,45	33.228	6,48	23.555	5,86	13.098	4,56
Tổng cộng	725.821	100	512.653	100	401.395	100	287.410	100

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Baruco các năm 2012 -2014; BCTC năm 2015 do Baruco lập

c. Chi phí

Tổng hợp chi phí của Công ty và tỷ trọng trên doanh thu thuần giai đoạn năm 2012 – 2014 và năm 2015 như sau:

Bảng 12: Chi phí giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cơ cấu chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	452.654	75,04	373.173	78,60	288.635	85,86	230.633	84,54%
Chi phí tài chính	4.212	0,70	1.319	0,28	3.854	1,15	2.087	0,77%
Chi phí bán hàng	9.918	1,64	7.778	1,64	7.381	2,20	4.706	1,73%
Chi phí quản lý	28.521	4,73	27.238	5,74	37.112	11,04	36.288	13,30%
Chi phí khác	2.019	0,33	3.546	0,75	2.395	0,71	616	0,23%
Tổng cộng	497.324	82,45	413.054	87,00	339.377	100,96	274.330	100,56%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Baruco các năm 2012 -2014; BCTC năm 2015 do Baruco lập

d. Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mủ cao su tự nhiên tự khai thác từ các nông trường của Công ty và thu mua từ các tiểu điền ở các địa bàn lân cận. Theo thông kê của những năm gần đây thì tỷ lệ tự khai thác chiếm khoảng 90%, thu mua từ tiểu điền khoảng 10%. Việc thu mua từ bên ngoài chủ yếu là để tận dụng năng lực sản xuất của nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Nguồn nguyên vật liệu nhìn chung là đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và ổn định. Tuy nhiên, sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải đảm bảo không bị lỗ và việc tồn kho lâu sẽ dẫn đến rủi ro làm tăng giá thành trong khi giá bán thấp.

e. Trình độ công nghệ

Hiện tại công ty có 03 dây chuyền sản xuất trong đó có:

- 02 dây chuyền sản xuất mũ tinh SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR CV50, SVR CV60. Công nghệ của hai dây chuyền này là công nghệ sản xuất Malaysia. Với công suất thiết kế của hai dây chuyền này là 12.000 tấn mũ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 18.000 tấn/năm.
- 01 dây chuyền sản xuất mũ tạp với công suất thiết kế là 4.000 tấn/năm, các thiết bị công nghệ này được nhập khẩu từ Malaysia. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.000 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm của dây chuyền này sản xuất gồm: SVR 10, SVR20.

Nhà máy sơ chế cao su Xà Bang có công suất 16 nghìn tấn/năm, trong đó 2 dây chuyền chế biến mũ tinh với công suất 12 nghìn tấn/năm, dây chuyền chế biến mũ tạp có công suất 3 nghìn tấn/năm vừa được cải tạo để tăng công suất lên 4 nghìn tấn/năm. Hiện tại, có thể đảm bảo chế biến hết sản phẩm của Công ty và gia công cho các đơn vị tiểu điền trên địa bàn.

Nhìn chung, năng lực sản xuất của nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

f. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

- TCCS 101:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 3L, SVR 5.
- TCCS 102:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 10, SVR 20 từ mũ phụ.
- TCCS 103:2002- Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR CV50, SVR CV60.

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống QLCL ISO 9001:2008 đã nâng cao nhận thức về chất lượng sản phẩm trong toàn công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và kỹ năng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, ổn định và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm thoả mãn ngày càng cao hơn nhu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng:

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và tiêu chuẩn Việt Nam.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện xuyên suốt cả quá trình từ khâu khai thác mũ tại vườn cây, vận chuyển mũ về nhà máy cho đến khâu chế biến, bảo quản, lưu kho.

Công ty có quy định nghiêm ngặt về quản lý chất lượng mù nguyên liệu từ vườn cây về nhà máy, đảm bảo không có lẫn tạp chất đối với tất cả các loại mù nước, mù tạp, mù đông ...

Đối với công nhân cạo mù có trách nhiệm khai thác, bảo quản và giao nộp mù đạt chất lượng, tuyệt đối không có lẫn tạp chất trong mù. Đội trưởng sản xuất có trách nhiệm kiểm tra và nhắc nhở công nhân thực hiện tốt khâu vệ sinh tất cả dụng cụ cạo mù như thùng đựng mù, chén, máng hứng mù ... Mù nước sau khi thu gom phải lọc qua rây có kích thước lỗ rây $\leq 3\text{mm}$ và bảo quản bằng dung dịch NH_3 , mù chén, mù dây phải tách ra từng miếng và nhặt bỏ các tạp chất lá cây, dăm cây...

Đối với lái xe có trách nhiệm vệ sinh xe, bồn chứa mù nước, thùng chứa mù tạp, mù đông ..., vận chuyển đúng giờ quy định.

Đối với công nhân nhà máy có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ các hồ, mương tiếp nhận, nền xưởng, máy móc thiết bị ... và thực hiện đúng quy trình chế biến đối với từng loại sản phẩm.

Trong quá trình chế biến, nhà máy cùng với phòng Quản lý chất lượng kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến thành phẩm.

Đối với quy trình chế biến cao su SVR, kiểm tra chất lượng nguyên liệu mù, kiểm soát xử lý đánh đông, vô thùng, nhiệt độ sấy, thời gian sấy, trọng lượng bành mù, quy cách đóng gói bao bì, phân lô lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất bản, tro, bay hơi, nitơ, Po, PRI, màu, độ nhớt Mooney theo TCVN 3769:2004.

g. Thị trường, khách hàng và yếu tố cạnh tranh

Về thị trường:

Sản phẩm của Công ty được bán cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài, trong đó phần lớn là xuất khẩu nước ngoài bình quân chiếm khoảng 60%, còn lại khoảng 40% bán cho người tiêu dùng và các đơn vị trung gian xuất khẩu. Các quốc gia mà sản phẩm của Công ty xuất khẩu bao gồm: Singapore, Đức, Nhật, một số quốc gia Châu Á khác ...trong đó thị trường Singapore chiếm khoảng 20%, Đức chiếm khoảng 20%, và thị trường Nhật chiếm khoảng 20%. Nhìn chung, thị trường của Công ty mang tính tập trung cao cho một số khách hàng.

Công ty đang tìm kiếm thêm các thị trường mới, đặc biệt là các thị trường có nhiều khách hàng cũng đã từng giao dịch nhưng chưa có cơ hội mua bán với công ty. Ưu tiên phát triển thị trường Ấn Độ đối với các sản phẩm như: SVR CV 50, SVR CV 60, SVR 3L, SVR 10, SVR 20, trong đó chủ yếu là các sản phẩm SVR 3L, SVR 10, SVR 20 vì thị trường này không đòi hỏi chất lượng cao như các thị trường Châu Âu.

Ngoài ra, Công ty cũng đang liên hệ chào bán sản phẩm SVR CV đến thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Có thể nói, đây là 02 thị trường khó tính và đòi hỏi cao về kỹ thuật.

Về khách hàng:

Hiện tại, thị trường bán hàng của Công ty khá là rộng lớn nên khách hàng của Công ty cũng rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, có thể kể đến 04 khách hàng lớn chiếm khoảng 70%-85% sản lượng tiêu thụ của công ty hàng năm bao gồm: R1 International PTE LTD, Weber, Tongteik PTE

LTD, Furukawa và Yokohama Việt Nam, trong đó R1 International PTE LTD, Weber, Tongteik PTE LTD là những nhà phân phối lớn còn Furukawa và Yokohama là những nhà sản xuất chính.

Về yếu tố cạnh tranh:

Đối với thị trường trong nước: Đối thủ cạnh tranh của Công ty là các công ty tư nhân, chủ yếu thu mua mũ tiêu diên và bán các sản phẩm như SVR 3L, SVR 10, SVR 20 ...Đặc điểm của nhóm này là không phụ thuộc vào Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam, không chịu ảnh hưởng về giá nên có thể chủ động về giá. Bên cạnh đó, chất lượng không cao gây ảnh hưởng đến hình ảnh mũ cao su Việt Nam trên trường thế giới.

Đối với thị trường quốc tế: Các đối thủ cạnh tranh đến từ các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonexia, Ấn Độ...Đặc điểm của nhóm này là giá cả, chất lượng, đã có nhiều kinh nghiệm trong khai thác, sản xuất cao su, trình độ công nghệ sản xuất tốt hơn, có đầu ra lớn.

h. Hoạt động Marketing

Công ty thực hiện việc quảng bá thương hiệu thông qua các khách hàng hiện hữu bằng cách nỗ lực để đáp ứng tối đa các nhu cầu của khách hàng, cung cấp chất lượng dịch vụ tốt nhất, nhờ đó khách hàng hiện hữu sẽ trở thành kênh tiếp thị hiệu quả nhất cho Công ty.

Công ty còn thường xuyên liên lạc và giữ mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp là khách hàng thân thiết của Công ty cũng như của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam.

Tham gia hội chợ, hội thảo do Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam tổ chức, qua đó, tìm kiếm và mang thông tin đến khách hàng mới. Đồng thời, đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi hội thảo.

Nâng cao hiệu quả việc quảng cáo, đăng báo quảng cáo sản phẩm trên các tạp chí chuyên ngành; thiết kế brochure.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng website www.baruco.com.vn với rất nhiều nội dung thể hiện khái quát về Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông qua website này, Công ty thường xuyên giới thiệu thông tin về sản phẩm.

Công ty còn thực hiện quảng bá hình ảnh Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa thông qua các hoạt động từ thiện.

Hơn thế nữa, việc xây dựng thương hiệu còn được thực hiện ngay trong nội bộ, đội ngũ người lao động của Công ty. Từ nhân viên bảo vệ đến người lãnh đạo cao nhất đều thấu hiểu giá trị của việc đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tạo ấn tượng tốt với khách hàng bằng thái độ làm việc nghiêm túc là hình thức quảng bá thương hiệu tốt nhất.

i. Nhân hiệu thương mại



BaRia Rubber Co., Ltd.
BRRC

j. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên Công ty/Đối tác	Nội dung hợp đồng	Ngành nghề	Giá trị (triệu đồng)
1	Công ty TNHH MTV Huy và Anh em	Mua bán mũ cao su	DV thương mại	4.300
2	Công ty TNHH Phát triển PTN	Mua bán mũ cao su	DV thương mại	4.500
3	Công ty TNHH TM \$ DV Lưu Gia	Mua bán mũ cao su	DV thương mại	3.200
4	Công ty TNHH R1 International Việt Nam	Mua bán mũ cao su	DV thương mại	600
5	FURUKAWA SANGYO KAISHA, LTD	Mua bán mũ cao su dài hạn	Nhà SX chỉ thun, keo, găng tay, ...	32.300
6	Công ty TNHH YOKOHAMA TYRE VIỆT NAM	Mua bán mũ cao su dài hạn	Nhà SX xăm lốp	15.600
7	GOODYEAR ORIENT COMPANY (PRIVATE) LTD	Mua bán mũ cao su dài hạn	Nhà SX xăm lốp	11.600

Nguồn: Baruco

Ngày 18/01/2016 Công ty ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiên Phúc Sông Rạch Hào, nhất trí hợp tác kinh doanh khác sạn Cao su – địa chỉ: Số 108, đường Võ Thị Sáu, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 120 tháng. Theo hợp đồng, Công ty thực hiện góp vốn bằng toàn bộ giá trị khách sạn Cao su bao gồm công trình xây dựng, kiến trúc, trang thiết bị theo sổ sách kế toán đến ngày 31/12/2015: nguyên giá TSCĐ là 23,88 tỷ đồng, giá trị còn lại là 3,71 tỷ đồng. Công ty TNHH Thiên Phúc Sông Rạch Hào góp vốn bằng tiền trị giá 15 tỷ đồng.

k. Các dự án đang thực hiện của Công ty:

Đầu tư góp vốn vào các Công ty kinh doanh cao su và dịch vụ khu Công nghiệp như:

- Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampongthom
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào
- Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu
- Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II
- Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái
- Công ty Cổ phần Khu CN Long Khánh

8.2. Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Tổng hợp một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 2014 như sau:

Bảng 13: Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2014, và năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản (Triệu đồng)	1.197.755	1.324.992	1.363.860	1.420.150
2	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán (Triệu đồng)	835.737	993.426	1.037.934	878.971
3	Vay và nợ ngắn hạn (Triệu đồng)	4.000	6.000	15.000	26.000
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4	Vay và nợ dài hạn (Triệu đồng)	152.000	166.000	191.000	193.000
5	Các khoản phải thu ngắn hạn (Triệu đồng)	41.159	17.783	15.046	17.971
6	Tổng số lao động (người)	2.349	2.326	2.265	1.944
7	Tổng quỹ lương (Triệu đồng)	211.996	183.103	150.966	118.933
8	Thu nhập bình quân (Triệu đồng người/tháng)	7,52	6,72	5,64	5,05
9	Tổng doanh thu thu nhập khác (Triệu đồng)	725.820	512.653	401.396	287.410
	<i>Trong đó: Doanh thu thuần (Triệu đồng)</i>	<i>603.204</i>	<i>474.764</i>	<i>474.764</i>	<i>272.808</i>
10	Tổng chi phí (Triệu đồng)	497.324	413.054	339.377	274.330
11	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	228.496	99.625	62.018	13.080
12	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	179.393	74.116	47.982	10.474
13	Nộp ngân sách nhà nước (Triệu đồng)	74.163	34.498	26.218	26.048
14	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Nhà nước (%)	21,47%	7,46%	4,62%	1,6%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Baruco các năm 2012 -2014; BCTC năm 2015 do Baruco lập

Ghi chú: Căn cứ tinh thần Công văn số 3357/CSVN-TCKT ngày 07/12/2015 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam về việc hướng dẫn lập Báo cáo tài chính năm 2015. Theo đó nguồn vốn mà Tập đoàn tạm ứng vốn điều lệ được trình bày trên bảng cân đối kế toán (MS 422) chuyển sang trình bày MS 337 (số tiền đầu kỳ là 158.962.930.018 đồng và cuối kỳ là 221.117.930.018 đồng).

Giai đoạn 2012 – 2014 là giai đoạn khó khăn và nhiều biến động đối với ngành cao su nói chung và Công ty nói riêng. Hầu hết các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty đều suy giảm qua các năm. Cụ thể, giai đoạn 2012 – 2014, doanh thu giảm đều với mức bình quân khoảng 25,54%, trong khi đó mức giảm của lợi nhuận trước thuế khá cao bình quân 47,07%. Nguyên nhân chủ yếu do giá thành xuất khẩu cao su giảm. Tuy nhiên, giai đoạn này Công ty vẫn đảm bảo nộp ngân sách nhà nước với mức bình quân 44,96 tỷ đồng mỗi năm.

Theo số liệu do Công ty lập, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2015 lần lượt ở mức 272,81 tỷ đồng và 13,08 tỷ đồng.

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Các chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư, tín dụng ngày càng thông thoáng tạo điều kiện cho Công ty đầu tư nâng cao năng lực về vốn và thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất để nhanh chóng thích ứng khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn với khu vực và quốc tế.

Với những kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm Công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe mà khách hàng đặt ra. Công ty đã phát huy được thế mạnh này để thiết lập và giữ vững mối quan hệ tốt với khách hàng nước ngoài.

Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Cán bộ, công nhân viên Công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.

Về nguồn nhân lực, đời sống văn hoá, môi trường xã hội: Hàng năm, lãnh đạo các cấp thường xuyên công ty tạo điều kiện khám chữa bệnh tốt hơn cho Cán bộ Công nhân viên. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tại Công ty ngày càng được nâng cao nên họ rất phấn khởi, yên tâm làm việc và gắn bó với công ty. Cán bộ Công nhân viên ngày càng đoàn kết, không ngừng nỗ lực phấn đấu, chủ động sáng tạo, giành được nhiều thành tích to lớn.

Sự phát triển vùng chuyên canh cao su luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển các khu vực hành chính địa phương. Do vậy, luôn có mối quan hệ gắn kết truyền thống giữa Công ty và địa phương, khu vực. Nguồn nhân lực của Công ty có truyền thống lâu dài, suốt cả trong thời kỳ Pháp thuộc đến nay. Truyền thống công nhân cao su, mối quan hệ gắn bó với địa phương, vai trò của các tổ chức quần chúng, xã hội,... là những thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực.

Về yếu tố tự nhiên: Vùng sinh thái miền Đông Nam bộ có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình khá bằng phẳng, độ dốc không lớn, độ cao trung bình dưới 100m so mặt nước biển,... đã tạo ra một khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây cao su với quy mô lớn.

Về công nghệ: những công nghệ trong ngành sinh học, về lĩnh vực giống cây, kỹ thuật canh tác; những công nghệ hóa sinh, lý sinh kích thích gia tăng cường độ tiết mủ,... làm tăng năng suất vườn cây, cả về khai thác mủ lẫn nguồn gỗ cao su.

Công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài với các khách hàng truyền thống, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường sang các nước trong khu vực cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các công ty xây dựng để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị thi công.

Với những thành công của Công ty đã đạt được trong suốt những năm gần đây, đồng thời được sự hỗ trợ và chỉ đạo của Tập đoàn cùng các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương tới địa phương, lãnh đạo Công ty đoàn kết khắc phục những khó khăn, quyết tâm đổi mới, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, đường lối chủ trương của Chính phủ và Tập đoàn.

❖ **Khó khăn:**

Tác động của sự biến động tỉ giá: Chiến lược tiêu thụ của ngành cao su Việt Nam, cũng như của Công ty cao su Bà Rịa là chiến lược hướng đến xuất khẩu, biến động tỉ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược này theo 2 hướng: nếu tỉ giá tăng chiến lược xuất khẩu sản phẩm sẽ có lợi, thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động và ngược lại. Xu hướng tỉ giá tăng hiện nay sẽ có tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sự biến động giá dầu mỏ trên thị trường thế giới: có tác động đến ngành cao su, khi giá dầu giảm dẫn đến giá đầu vào của cao su nhân tạo giảm xuống làm nhu cầu của loại nguyên liệu này tăng lên, người mua có xu hướng chuyển sang sản phẩm từ cao su thiên nhiên sang cao su nhân tạo. Hệ quả tất yếu nhu cầu giảm sẽ làm giá cao su thiên nhiên giảm theo, tác động bất lợi cho việc phát triển sản xuất kinh doanh ngành cao su.

Về yếu tố khí hậu: Diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là tác nhân phát triển các loại nấm phân trắng, nấm hồng,... trên cây cao su, làm giảm chất lượng vườn cây.

Về mặt môi trường văn hoá-xã hội tại địa phương: môi trường văn hoá-xã hội tốt không những bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, mà còn giảm thiểu vấn nạn trộm cắp mủ, chặt phá vườn cây cao su. Tuy nhiên, trên địa bàn của Công ty một số nơi thu nhập của người dân không cao, nghề nghiệp không ổn định, tình trạng chặt phá cao su, ăn cắp mủ vẫn là tệ nạn cần được chú trọng để bảo vệ thành quả sản xuất kinh doanh.

Công nghệ các ngành công nghiệp sử dụng cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: xăm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao

su y tế còn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp cao su trong nước chậm phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng, thuận lợi trong vận chuyển, kho bãi,...Điều này đã hạn chế khả năng phát triển các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cao su Bà Rịa là đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Đây là vị thế vô cùng to lớn của Công ty so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành trong việc hỗ trợ tìm kiếm khách hàng, mở rộng sản phẩm, thị trường.

Luôn đặt tiêu chí chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, các sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng thân thiết trong và ngoài nước tin tưởng và sử dụng lâu năm, tập trung chủ yếu là dòng sản phẩm cao cấp như SVR CV 50, SVR CV 60...

9.2. Triển vọng ngành

Giá cao su tự nhiên phụ thuộc vào các yếu tố chính như: (i) Sự tăng trưởng GDP thế giới, đặc biệt GDP Trung Quốc; (ii) Tỷ giá đồng USD so với đồng của các quốc gia xuất khẩu; (iii) Nhu cầu của ngành công nghiệp ô tô sẫm lốp; (iv) Sự biến động của giá dầu. Sự thay đổi của một trong các yếu tố này sẽ có những tác động mạnh mẽ tới giá cao su.

Chu kỳ biến động của giá cao su thường kéo dài từ 8 - 10 năm, dự kiến đến năm 2019 – 2020 là kết thúc 1 chu kỳ biến động. Bên cạnh đó, nhu cầu cao su được dự báo sẽ giảm do nền kinh tế Trung Quốc suy yếu, tuy nhiên không quá lo ngại. Đồng thời ảnh hưởng từ hiện tượng El Nino cùng với các giải pháp điều tiết nguồn cung đến từ các nước xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới sẽ tác động tích cực cho cân bằng cán cân cung cầu cao su thế giới. Theo đó, giá cao su được dự báo sẽ tăng nhẹ từ cuối năm 2016.

Kết thúc năm 2015, Việt Nam đã vươn lên là quốc gia sản xuất cao su tự nhiên đứng thứ 3 trên thế giới. Đây là nỗ lực của toàn thể ngành cao su nước nhà. Tuy nhiên, thị phần cao su Việt Nam vẫn khá thấp (9%) so với Thái Lan (35%) và Indonesia (26%). Do đó, tính quyết định đến giá cao su là không cao.

Phần lớn cao su Việt Nam được xuất khẩu, tiêu thụ nội địa chiếm tỷ trọng rất nhỏ. 90% cao su sản xuất trong nước và gần 30% sản lượng nhập khẩu là để phục vụ xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc chiếm khoảng 47% , tuy nhiên nếu tính cả phần Malaysia tái xuất khẩu sang Trung Quốc thì thị trường Trung Quốc vẫn chiếm khoảng 60%. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc là thị trường có còn nhiều biến động.

Về diện tích rừng cao su, thì vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và duyên hải miền Trung là những khu vực có diện tích trồng cây cao su lớn, tuy nhiên khả năng mở rộng diện tích tại các khu vực này là không nhiều. Trong khi đó khu vực miền Bắc lại có khí hậu thổ nhưỡng không thuận lợi để trồng cây cao su. Thêm vào đó, các công ty cao su Việt Nam tập trung mở rộng diện

tích cao su tại Campuchia và Lào. Do đó, nhìn chung trên cả nước, diện tích rừng cao su trong nước khó mở rộng trong thời gian tới.

Hiện tại, Việt Nam là một trong những thành viên của TPP, trong các quốc gia thành viên TPP, chỉ có Việt Nam và Malaysia là những nước sản xuất xuất khẩu cao su hàng đầu thế giới. Theo đó nhập khẩu sản phẩm cao su Việt Nam vào các quốc gia thành viên TPP được hưởng ưu đãi thuế 0%, mang lại lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam so với một số quốc gia sản xuất xuất khẩu cao su hàng đầu là Thái Lan và Indonesia. Khi đó ngành cao su nguyên liệu sẽ được các nhà đầu tư ngoại quan tâm đầu tư, cao su Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi cung ứng cao su toàn cầu qua liên kết với các đối tác lớn. Một số doanh nghiệp sấm lốp lớn của nước ngoài cũng đã đón đầu cơ hội tận dụng ưu đãi thuế suất như Bridgestone (Nhật Bản), Kumho (Hàn Quốc), Sailun (Trung Quốc),...

Các sản phẩm chế biến từ cao su đang ngày càng được đẩy mạnh như găng tay y tế, chỉ thun, bóng thể thao, các sản phẩm chế biến từ gỗ cao su như bàn ghế tủ, viên nén gỗ, sàn gỗ ép,... Sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su là tiền đề cho sự phát triển của các doanh nghiệp khai thác, chế biến cao su.

Trước xu hướng giá thành mù cao su giảm, các doanh nghiệp trong ngành đang nỗ lực tiết giảm chi phí một cách tối đa như: (i) Chi phí nhân công trực tiếp chiếm khoảng 50% giá thành các doanh nghiệp cao su. Bằng cách giảm số ngày cạo mù (xuống còn D4 từ D2 và D3, tức là giảm xuống 4 ngày mới cạo mù/lần) và xen canh, các doanh nghiệp cao su có thể giảm giá thành và giữ công nhân lao động, theo đó, chi phí nhân công khai thác cao su có thể giảm khoảng 50% so với trước đây, tương đương giảm khoảng 25% giá thành.; (ii) Giảm bón phân làm cỏ cho cây cao su, do đặc tính của cây cao su là không bón phân và làm cỏ vẫn có thể sinh trưởng tốt và vẫn cho năng suất ổn định.

Dưới những khó khăn mà ngành cao su đang phải đối mặt, nhà nước cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông sản nói chung và cây cao su nói riêng. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trồng, chế biến mù cao su thiên nhiên cho kỳ tính thuế TNDN từ năm 2015 được áp dụng như sau:

- Các doanh nghiệp trồng, sản xuất, chế biến mù cao su thiên nhiên dù không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hay đặc biệt khó khăn đều được giảm 7% thuế suất thuế TNDN. Năm 2014, thuế suất của các doanh nghiệp thuộc đối tượng này là 22% thì năm 2015 giảm xuống còn 15%;
- Các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn năm 2014 có thuế suất 22% thì năm 2015 được bổ sung vào diện hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10%, giảm 12%;
- Bên cạnh chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đã được ban hành, Hiệp hội Cao su Việt Nam cũng đang kiến nghị Bộ Tài chính không thực hiện kê khai, tính nộp

thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng cao su thiên nhiên sơ chế trong kinh doanh, thương mại.

Năm 2015 là năm cuối cùng trong chặng 5 năm tính tiền thuê đất trồng cao su. Bước sang năm 2016, tiền thuê đất trồng cao su có thể tăng gấp 3 lần gây khó khăn cho các doanh nghiệp trồng cao su.

Từ ngày 01/7/2014, theo quy định mới tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP, thời gian xây dựng cơ bản của vườn cao su tái canh không được miễn tiền thuê đất. Trong bối cảnh khó khăn, ngành cao su hạn chế trồng mới, hiện chủ yếu tái canh trên phần diện tích cao su đã hết chu kỳ khai thác, khoảng 20000-30000 ha/năm, trong đó phải đầu tư nguồn vốn cho phục hoang, trồng lại, chăm sóc từ 6 đến 8 năm. Trong thời gian này, vườn cao su tái canh chưa có sản phẩm nên chưa có doanh thu, lợi nhuận, do vậy, gây khó khăn cho việc nộp tiền thuê đất trồng cao su.

Với các giải pháp giảm chi phí lao động, chi phí phân bón làm cỏ, giá thành cao su Việt Nam ước tính rơi vào khoảng 1.100 USD/tấn so với mức 1.500 USD/tấn trong quá khứ. Nếu thực hiện được việc này, dự báo triển vọng dài hạn của các doanh nghiệp cao su tự nhiên sẽ rất khả quan, đặc biệt là khi giá cao su phục hồi.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng của Công ty với định hướng của ngành

Baruco nhận thức được tiềm năng và triển vọng phát triển của doanh nghiệp đã đề ra và đang trong quá trình thực hiện những định hướng then chốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Về cơ bản định hướng phát triển Công ty phù hợp với phát triển của ngành, điều này tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty có cơ hội phát triển và nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ phía nhà nước, nhất là hỗ trợ chuyên môn, vật chất cho các dự án mới.

10. Phương hướng phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa

10.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa
- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa
- Tên giao dịch quốc tế: BA RIA RUBBER JOIN STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: BARUCO
- Địa chỉ: Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 3881964 Fax: (064) 3881169.
- Email: vanphong@baruco.com.vn
- Website: www.baruco.com.vn
- Logo:



10.2. Hình thức pháp lý, ngành nghề kinh doanh

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa – Vũng Tàu cấp theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; buôn bán mủ cao su sơ chế;
- Xây dựng công trình dân dụng qui mô nhỏ;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của ngành cao su: san đắp đồng, ruộng, thi công đường đất, đường rải đá, san nền, hệ thống tưới tiêu;
- Kinh doanh khách sạn: Cơ sở lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm và dịch vụ khác cho khách du lịch; vận tải khách du lịch; kinh doanh du lịch lữ hành trong nước;
- Kinh doanh: Tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất và các tư liệu tiêu dùng phục vụ sinh hoạt;
- Làm đại lý ký gửi hàng hóa và dịch vụ thương mại;
- Đầu tư tài chính;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật;
- Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần.

10.3. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau Cổ phần hóa

Định hướng

Xây dựng Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

Mục tiêu

Xây dựng Công ty TNHH MTV Cao Su Bà Rịa mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong lĩnh vực cao su.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn hơn.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

10.4. Về nguồn nhân lực:

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

10.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Bảng 14: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm sau cổ phần hóa

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2015	2016	2017	2018
I. Khối lượng sản phẩm chính					
1. Diện tích - năng suất					
1.1 Tổng diện tích, trong đó:		8.542,86	8.535,83	8.535,83	8.535,83
- Diện tích CS.Khác và C.sóc					
+ Diện tích cao su khai thác		3.930,45	3.629,48	4.633,82	5.022,78
+ Diện tích cao su KTCB		4.612,41	4.611,01	3.483,96	3.102,01
+ Diện tích cao su tái canh		242,51	295,34	418,05	411,04
- Diện tích cao su thanh lý		242,51	295,34	418,05	411,04
1.2. Năng suất		1,7	1,74	1,68	1,69
2. Sản lượng		7.300	7.000	8.550	9.300
2.1 Cao su khai thác	tấn	6.700	6.300	7.800	8.500
2.2 Cao su thu mua	tấn	600	700	750	800
3. Cao su chế biến	tấn	12.900	12.600	14.150	14.900
+ CV 50, 60	tấn	6.100	6.550	7.250	7.550
+ SVR 3L, 5	tấn	5.000	4.490	5.040	5.350
+ SVR 10, 20	tấn	1.800	1.560	1.860	2.000
4. Tồn kho đầu kỳ		2.196	1.896	1.896	1.896
5. Cao su tiêu thụ	tấn	7.600	7.000	8.550	9.300
+ Xát khẩu và UTXK	tấn	2.100	2.500	3.000	3.500
+ Nội tiêu	tấn	5.500	4.500	5.550	5.800
<i>5.1 Mù cao su khai thác</i>	<i>tấn</i>	<i>7.000</i>	<i>6.300</i>	<i>7.800</i>	<i>8.500</i>
+ Xát khẩu và UTXK	tấn	2.100	2.500	3.000	3.500
+ Nội tiêu	tấn	4.900	3.800	4.800	5.000

5.2 Mủ cao su thu mua	tấn	600	700	750	800
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	-			
+ Nội tiêu	tấn	600	700	750	800
6. Tồn kho cuối kỳ	tấn	1.896	1.896	1.896	1.896
7. Giá bán bình quân	Triệu đồng	31.500	26.000	30.000	33.000
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	31.587	26.882	31.087	33.649
+ Nội tiêu	Triệu đồng	31.374	25.510	29.413	32.609
II. Doanh thu và lợi nhuận					
II.1 Tổng doanh thu	Triệu đồng	269.008	232.108	317.608	367.708
II.1.1. Doanh thu cao su	Triệu đồng	239.400	182.000	256.500	306.900
1.1 Doanh thu cao su khai thác	Triệu đồng	220.500	163.800	234.000	280.500
+ Xuất khẩu và UTXK	Triệu đồng	85.050	65.000	90.000	115.500
+ Nội tiêu	Triệu đồng	135.450	98.800	144.000	165.000
1.2 Doanh thu cao su thu mua	Triệu đồng	18.900	18.200	22.500	26.400
+Nội tiêu	Triệu đồng	18.900	18.200	22.500	26.400
II.1.2. Thanh lý vườn cao su	Triệu đồng	-	23.500	33.400	32.880
II.1.3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	26.660	25.660	26.760	26.680
II.1.4. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	948	948	948	1.248
II.1.5. Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	-	-	-	-
II.2. Tổng chi phí	Triệu đồng	266.883	207.131	270.811	317.429
1. Cao su					
1.1. Giá thành tiêu thụ mủ cao su	Triệu đồng	31.095	25.753	28.333	31.093
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	31.078	25.756	28.196	30.952
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	31.297	25.723	29.763	32.597
1.2. Chi phí cao su	Triệu đồng	236.323	180.271	242.251	289.169

- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	217.545	162.264	219.928	263.091
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	18.778	18.006	22.322	26.078
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng		1.500	1.500	1.500
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng		24.460	25.260	25.160
4. CP hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.900	900	1.800	1.600
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	27.660	-	-	-
II.3 Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.124	24.977	46.797	50.279
1. Cao su	Triệu đồng	3.076	1.729	14.249	17.731
- Mủ cao su khai thác	Triệu đồng	2.954	1.536	14.072	17.409
- Mủ cao su thu mua	Triệu đồng	121	194	178	322
2. Vườn cao su thanh lý	Triệu đồng		22.000	31.900	31.380
3. Sản phẩm khác	Triệu đồng	(1.000)	1.729	14.249	17.731
4. Hoạt động tài chính	Triệu đồng	(1.952)	48	(852)	(352)
5. Hoạt động khác	Triệu đồng	2.000	-	-	-
6. Chi phí phân bổ sau định giá	Triệu đồng	-	-	-	-
II.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	942	2.657	4.909	5.304
II.5 Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.184	22.321	41.888	44.976
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	Triệu đồng	355	2.232	4.189	4.498
+ Trích quỹ Ban QLĐH	Triệu đồng	220	147	147	147
+ Quỹ khen thưởng, Phúc lợi (10%)	Triệu đồng	608	2.232	4.189	4.498
+ Chia cổ tức	Triệu đồng	-	1,5%	2%	2,5%
+Số tiền chia cổ tức	Triệu đồng	-	16.875	22.500	28.125
II.6 Nộp ngân sách (số phải nộp)	Triệu đồng	14.505	15.078	19.788	21.144
III. Nhu cầu vốn đầu tư	Triệu đồng	154.661	80.757	74.678	85.584
+ Đầu tư XDCB	Triệu đồng	56.978	54.757	58.678	56.584

- Xây lắp	Triệu đồng	38.058	35.768	39.981	39.069
Trong đó: Xây lắp nông nghiệp	Triệu đồng	36.780	33.408	37.349	36.437
- Thiết bị	Triệu đồng	327	1.560	1.560	3.120
- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	16.593	15.928	15.637	14.396
+ Trả nợ vay	Triệu đồng	15.000	26.000	16.000	29.000
IV. Tiền lương					
- Lao động	Người	2.167	1.723	1.946	2.043
- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	130.366	85.413	116.118	133.909
- Lương bình quân (tháng)	Trđ/ người	5,01	4,13	4,97	5,46

Nguồn: Baruco

10.6. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2018 đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

a. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm:

❖ Về tiếp thị

Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.

Củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

❖ Về sản phẩm, thị trường

Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.

Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.

Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

❖ Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm

Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.

Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV để cải thiện giá bán và tránh phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Có thể mở rộng vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản hoặc các nước như Ấn Độ, Srilanka...

Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

b. Nhóm giải pháp về đầu tư

❖ Đầu tư thiết bị

Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.

Xây dựng định hướng đầu tư thiết bị mang tính đổi mới công nghệ, chú trọng công nghệ của các nước phát triển. Lập dự án đầu tư thiết bị trên cơ sở dữ liệu tin cậy, vừa mang tính khoa học vừa mang tính thực tiễn cao, thông qua việc khảo sát nhu cầu thực tế, khả năng phát huy tính năng công suất, có tính đến đầy đủ các yếu tố bất lợi, tình hình bảo hành, hướng dẫn kỹ thuật để xác định hiệu quả đầu tư. Thông qua việc đầu tư, đổi mới phương tiện thiết bị, Công ty sẽ tiếp cận được những thiết bị hiện đại, theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Công tác đầu tư ngoài ngành được thực hiện đúng theo quy định và xác định mục tiêu trọng tâm đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề chính của đơn vị.

Tăng tỷ lệ vay dài hạn trong cơ cấu vốn vay. Sử dụng vốn khấu hao đối với các dự án đã triển khai; đình, hoãn tiến độ đầu tư của các dự án chưa cấp thiết để đảm bảo cân đối nguồn vốn của toàn Tập đoàn. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ bản, đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, thiết yếu phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm tối đa chi phí. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các dự án xây dựng cơ bản đã đầu tư.

❖ Đầu tư công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm

Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian sản xuất mang lại lợi thế to lớn trong việc giảm giá thành, Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.

Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ.

Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng công nghệ trên cơ sở phân loại công nghệ theo tuổi đời và giá trị (Giá trị sử dụng và giá cả) của công nghệ; thực hiện chế độ bảo mật với công nghệ do Công ty sở hữu.

Thực hiện quy trình kỹ thuật phù hợp và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với Viện nghiên cứu cao su để đưa các ứng dụng mới về khai thác, chăm sóc, bảo vệ thực vật vào sản xuất để rút ngắn thời gian KTCB, tăng năng suất vườn cây, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từng bước áp dụng chế độ cao D/4 để tăng năng suất lao động, tăng tiền lương công nhân

Tăng cường công tác thu mua nhằm đảm bảo thu mua và tạo thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác quản lý trồng mới, chăm sóc và khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Đầu tư thâm canh vườn cây hợp lý từ khâu chăm sóc, bón phân đến bảo vệ thực vật. Tìm tòi, học tập, cập nhật, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trong việc trồng mới chăm sóc vườn cây tái canh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mù, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.

Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư và đổi mới công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản lưu kho nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn.

❖ **Đầu tư thông qua việc liên doanh, liên kết**

Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược kinh doanh. Công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết nhằm tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế trong sản xuất kinh doanh.

c. **Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

❖ **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.

Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.

Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.

Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.

Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.

Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.

Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

❖ **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...

Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chùng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.

Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...

Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.

Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.

Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...

Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng... chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

d. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ

Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ, Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.

Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.

Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến

e. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

❖ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

Về phân công lao động hợp lý

Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên, Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.

Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được công hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

❖ **Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự**

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.

-
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

❖ Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.

❖ Thu hút và sử dụng nhân tài

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty

Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.

Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc

các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty

Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.

Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài, Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.

Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:

- Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.

Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

f. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

❖ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ

Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quan hệ nội bộ Công ty.
- Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
- Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

❖ **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**

Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
- Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
- Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.

- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

g. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy

❖ Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy giúp việc

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 1.125.000.000.000 đồng (Một ngàn một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 112.500.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2016 – 2018) như sau:

Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2016 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	1.125.000.000.000	1.125.000.000.000	1.125.000.000.000

Nguồn: Baruco

Cơ cấu vốn điều lệ:

Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của cổ đông dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	73.125.000	65,00	731.250.000.000
2	Cổ phần bán cho người lao động	3.507.000	3,12	35.070.000.000

A	Ưu đãi theo thâm niên công tác	2.476.200	2,20	24.762.000.000
B	Mua thêm theo diện cam kết	1.030.800	0,92	10.308.000.000
3	Cổ phần bán ra bên ngoài	35.868.000	31,88	358.680.000.000
A	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	16.180.500	14,38	161.805.000.000
B	Bán đấu giá	19.687.500	17,50	196.875.000.000
	Cộng	112.500.000	100,00	1.125.000.000.000

Nguồn: Baruco

12. Các rủi ro dự kiến

a. Rủi ro về kinh tế

Trong kinh tế thị trường, Công ty cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của lạm phát nền kinh tế quốc dân. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung và những thay đổi về cơ chế chính sách cũng sẽ ảnh hưởng đến Công ty trong giai đoạn đầu khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

b. Rủi ro về luật pháp

Về hình thức pháp lý và tổ chức quản lý doanh nghiệp: Công ty là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình Công ty Cổ phần hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty sẽ thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này và sẽ tiếp tục cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

c. Rủi ro tài chính

Tiền gửi ngân hàng:

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

d. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Baruco. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

e. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

13.1. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên

Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động là: 3.507.000 cổ phần, tương ứng với 3,12% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Bao gồm:

❖ Cổ phần bán với giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 25/12/2015: 1944 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 1.673 người.
- Số người không đủ điều kiện mua: 271 người
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 1.673 người.
- Tổng số người không đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 0 người
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của 1.673 người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 24.762 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 1.673 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 2.476.200 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán đấu giá cổ phần, Công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán đấu giá thành công thấp nhất.

❖ Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.

✓ Về điều kiện:

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (25/12/2015);
- Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
- Có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.).
- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao được Hội nghị người lao động nhất trí thông qua:

Người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- ✓ Về điều kiện: người lao động không quá 57 tuổi đối với Nam, 52 tuổi đối với Nữ.
- ✓ Về tiêu chuẩn: đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - Giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên.

- Cán bộ chủ chốt của Công ty;
 - Có thâm niên công tác tại công ty tối thiểu là 05 năm;
 - Trình độ học vấn: tốt nghiệp đại học trở lên;
 - Trong quá trình công tác đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua ít nhất 05 năm;
 - Không bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên trong hai năm trước khi công ty cổ phần hóa;
- Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 25/12/2015 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại Công ty cổ phần: 1.897 người.
 - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho Công ty là 232 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 450.800 cổ phần.
 - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho Công ty là: 132 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 580.000 cổ phần.
 - Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán đấu giá cổ phần, Công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
 - Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá bán đấu giá thành công thấp nhất.
 - Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP thì số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa

13.2. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở giao dịch chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: 19.687.500 cổ phần, chiếm 17,5% vốn điều lệ.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Giá khởi điểm

Căn cứ giá trị doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán và tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay tác động xấu đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp nói riêng và trên cơ sở báo cáo đề xuất giá khởi điểm của VCBS, đề xuất mức giá khởi điểm là 12.610 đồng/1 cổ phần. Quyết định về giá khởi điểm sẽ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa quyết định.

Thời gian bán cổ phần

Sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty triển khai theo kế hoạch bán đấu giá cổ phần. Từ kết quả bán đấu giá cổ phần thành công, Công ty tiến hành bán cho người lao động.

Cơ quan bán đấu giá cổ phần

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 thì toàn bộ cổ phần bán đấu giá được tổ chức bán tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

13.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

❖ Mục tiêu chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

Hỗ trợ Công ty áp dụng công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm dịch vụ ra thị trường.

Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và tăng cường sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Giúp Công ty tăng cường năng lực tài chính thông qua việc cho Công ty vay hoặc hỗ trợ Công ty tiếp cận những nguồn vốn vay hoặc góp thêm vốn.

❖ Cơ sở để đưa ra tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.”

Căn cứ Khoản 5 Điều 6 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

❖ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cụ thể

Căn cứ Quyết định số 446A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa như sau:

- Có tư cách pháp nhân, có quan hệ hợp tác với đơn vị và có điều kiện hỗ trợ đơn vị trong phát triển sản xuất kinh doanh;
- Có khả năng tài chính: có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng;
- Có điều kiện và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty và hỗ trợ Công ty về một trong các lĩnh vực: chuyển giao công nghệ sản xuất mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường;
- Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần tại công ty tối đa là 03 nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược không được tự chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp GCNDKKD lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng thì phải được ĐHCĐ chấp nhận.

❖ **Các quy định đối với nhà đầu tư chiến lược**

Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

❖ **Khối lượng cổ phần chào bán và số lượng nhà đầu tư chiến lược**

Tổng số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược dự kiến là 16.180.500 cổ phần, tương đương 14,38% vốn điều lệ dự kiến của Công ty.

Số lượng nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ Quyết định số 446A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa thì số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần tại Công ty tối đa là 03 nhà đầu tư.

❖ **Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty đề xuất:

- Phương thức thực hiện: Căn cứ Điểm b Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Công ty đề xuất việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai.
- Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ Điểm b Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Công ty đề xuất giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận với nhà đầu tư chiến lược và không thấp hơn giá bán đấu giá thành công thấp nhất tại cuộc đấu giá cổ phần được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán.

13.4. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM trong thời hạn (90) chín mươi ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần. Trường hợp, sau khi xem xét, nếu đủ điều kiện niêm yết, Công ty sẽ làm thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom..

14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ Cổ phần hóa

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 12.610 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

STT	Nội dung		Số tiền
1	Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	(a)	1.125.000.000.000
2	Vốn nhà nước theo giá trị sổ sách kế toán ban đầu	(b)	1.043.258.736.657
3	Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		731.250.000.000
4	Tiền thu từ cổ phần hóa	(c)	484.028.797.200
4.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		31.733.317.200
4.1.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>		18.734.929.200
4.1.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>		12.998.388.000
4.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài và bán cho NĐT chiến lược		452.295.480.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBCNV và bán ra bên ngoài	(d)	393.750.000.000
6	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e)=(a)-(b)	81.741.263.343
7	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	(f)	1.279.000.000

8	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	2.520.352.430
9	Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	(h)=[c-(d)-(f)-(g)]*[(e)/(a)]	6.283.501.394
10	Số tiền thu từ CPH dự kiến còn lại nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định	(c)-(e)-(f)-(g)-(h)	392.204.680.033

Nguồn: Baruco

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

15. Những người chịu trách nhiệm chính về nội dung bản công bố thông tin

15.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông: **Trần Thoại** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

15.2. Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa

Ông: **Nguyễn Trọng Cảnh** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Ngọc Thịnh** Chức vụ: Kế toán trưởng

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa, trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

15.3. Tổ chức tư vấn

Ông **Tống Minh Tuấn** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc, nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

II. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa trước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt của Tập đoàn Công nghiệp Cao

su Việt Nam theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa.

Trân trọng cảm ơn.

Bà Rịa, ngày 29 tháng 01 năm 2016

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC T.T



TRẦN THOẠI

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÀ RI

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN TRỌNG CẢNH

NGUYỄN NGỌC THỊNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC



TÔNG MINH TUẤN

